

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-8-2022

“Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh

2. Ông Nguyễn Hiếu Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2022 giữa:

Nguyên đơn: anh Danh Tư M, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp X, xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: chị Thị Mộng Th, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2022, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Danh Tư M trình bày:*

Vào năm 2014 sau thời gian quen biết tự tìm hiểu, anh và chị Th đã tự nguyện sống chung với nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Hòa vào ngày 17/3/2014. Vợ chồng anh sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về vấn đề kinh tế gia đình, dẫn đến áp lực cho đời sống vợ chồng từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cho đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh và chị Th đã sống ly thân từ tháng 11/2021 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh đã suy nghĩ rất kỹ nhưng vẫn không thể hàn gắn lại tình

cảm nên không thể sống chung với nhau được nữa, do đó anh yêu cầu ly hôn với chị Th.

Thời gian chung sống, anh và chị Th có một người con chung tên Danh Đức Mạnh H, sinh ngày 02/5/2017; con sống chung với chị Th từ khi vợ chồng ly thân đến nay.

Tài sản chung, nợ chung: anh M xác nhận không có.

Tại phiên tòa, về hôn nhân anh Danh Tư M yêu cầu ly hôn với chị Thị Mộng Th. Về con chung anh đồng ý giao con Danh Đức Mạnh H, sinh ngày 02/5/2017 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn chị Thị Mộng Th không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng chị Th không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của chị.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Về hôn nhân chấp nhận cho anh M được ly hôn với chị Th. Về con chung giao Danh Đức Mạnh H, sinh ngày 02/5/2017 cho chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng anh M không yêu cầu tòa án giải quyết, do đó Viện kiểm sát không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên anh Danh Tư M khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Thị Mộng Th được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Chị Thị Mộng Th với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: anh M và chị Th quen biết tìm hiểu nhau rồi tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2014, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã Định Hòa số 51/quyển số 01/2014 ngày 17/3/2014 theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010 thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ

Xét yêu cầu của anh M được ly hôn với chị Th vì lý do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về vấn đề kinh tế gia đình, dẫn đến áp lực cho đời sống vợ chồng từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cho đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, hơn nữa anh và chị Th đã ly thân với nhau từ tháng 11/2021 đến nay. Đối với chị Th, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng chị Th đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, anh M khai rõ trong thời gian ly thân anh và chị Th không có gặp nhau và anh xác định không thể hàn gắn đời sống hôn nhân được nữa vì anh không còn tình cảm với chị Th và anh M cũng tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với chị Th. HĐXX thấy rằng, do trước khi kết hôn anh chị đã không tìm hiểu kỹ cá tính của nhau nên sau thời gian chung sống giữa anh M và chị Th mới phát sinh sự bất đồng quan điểm và không còn duy trì được tình yêu thương dành cho nhau nên khi xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến tranh chấp kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh M là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh M khai vợ chồng chị có một người con chung tên Danh Đức Mạnh H, sinh ngày 02/5/2017. Anh M đồng ý giao Danh Đức Mạnh H cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Xét yêu cầu của anh M là phù hợp với thực tế, không trái đạo đức xã hội và đúng quy định pháp luật, do đó HĐXX chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng: Anh M và chị Th không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh M xác định vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[6] Đối với bị đơn chị Th qua thẩm tra xác minh trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy, chị Th vẫn còn hộ khẩu tại địa phương nhưng chị Th đi làm ít ở nhà nên Tòa án không thể trực tiếp thực hiện việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho chị Th. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đầy đủ và đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị Th vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình liên quan đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử không thể xem xét nguyện vọng của chị Th.

[7] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000 đồng, anh Danh Tư M phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 179, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Danh Tư M được ly hôn với chị Thị Mộng Th.

2. Về con chung: Giao Danh Đức Mạnh H, sinh ngày 02/5/2017 cho chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh chị có quyền làm đơn yêu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng: Miễn xét

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Danh Tư M phải nộp án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006745, ngày 09/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh M đã nộp xong án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/8/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã Định Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh